***Ngày soạn: Ngày dạy:***

**Tiết 44: ĐỘNG TỪ**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức**:Giúp HS:

* Cũng cố và nâng cao một bước kiến thức về động từ đã học ở bậc tiểu học.
* Giúp HS nắm được đặc điểm của động từ và 1 số loại động từ quan trọng.

**2.Kĩ năng**:Biết sử dụng đúng động từ khi nói, viết.

* Biết nhận biết phân loại động từ, sử dụng đúng động từ.

**3.Thái độ**: Tự tin khi sử dụng động từ trong khi nói và viết cho hiệu quả.

**II**.**CHUẨN BỊ**

* GV: Soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ
* HS: Đọc trước bài ở nhà
* PP; thuyết trình, vấn đáp…

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**III.** **TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ** : Lồng ghép trong bài mới

**3. Bài mới**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hđ của h/s*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (2’*)*** | | |
| Tổ chức cho HS hát tập thể 1 bài  GV dẫn vào bài | HS hát |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20’)** | | |
| ***HĐ1Hướng dẫn tìm hiểu mục 1***  -Gọi học sinh đọc ví dụ ở bảng phụ.  ? Ở cấp 1 các em đã được làm quen với động từ. Vậy thế nào là động từ ?  ? Hãy chỉ những động từ trong 3 VD.  ? Ý nghĩa khái quát của những động từ vừa tìm được là gì?  - GV: Cho HS đặt câu 🠦hướng dẫn HS để HS thấy được động từ có khả năng kết hợp với các từ: đã, đang, sẽ, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng...  ? Theo em hoạt động NP chủ yếu của động từ là gì?  ? Phân biệt động từ và danh từ?  ***HĐ 2:Hướng dẫn tìm hiểu mục II***  Gọi HS đọc ví dụ1 và trả lời câu hỏi.  ? Xếp động từ vào bảng? | 1H đọc ví dụ  1 HS trả lời.  1 HS cho ví dụ.  HS thảo luận, trao đổi.  1 HS trả lời.  Lớp lắng nghe.  1 HS trả lời.  1 HS khá trả lời.  1H đọc ví dụ.  1 HS trả lời. | **I. Đặc điểm của động từ.**  1.Ví dụ:  \*Nhận xét:  a) đi, đến, ra, hỏi  b) lấy, làm, lễ  c) treo, có, xem, cười, bảo, bản, phải, đề.  🠦 chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.  VD: Tôi *đã* làm bài  *đang*  *sẽ, cũng*...  *Đừng* đi chơi  *Chớ.*  *Hãy...*  🠢 Động từ có khả năng kết hợp với các từ: đã, đang, sẽ, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng...  - Làm VN (thường kết hợp sau những từ hãy, đừng, chớ...)  - Làm CN: không kết hợp với những từ đó.  VD: Làm VN  *Bạn đừng đi chơi*  Làm CN  *Chạy là một hoạt động tốt*.  \* Danh từ:  - Không kết hợp với các từ đã, đang, sẽ...  \* Động từ:  - Kết hợp được...  VD: *đã* học bài  - Không kết hợp với những từ chỉ lượng  VD: Những *đi*, một *ăn*...  - Thường làm VN  - Làm CN (không kết hợp với những từ đã đang...)  VD: không thể nói: *hãy* ghế, *đã* bàn.  - Kết hợp được với những từ chỉ lượng  VD: *Một* con gà...  - Thường làm CN  - Làm VN (thường sau từ là)  **II. Phân loại động từ**  1.Ví dụ:  \*Nhận xét:  - Các động từ: Dám, toan, định, đòi hỏi động từ khác đi kèm.🠢 Đtừ chỉ tình thái.  - Các động từ: Đi, chạy, ngồi không đòi hỏi động từ khác đi kèm 🠢Đtừ chỉ hành động.  - Các động từ: Buồn, gãy, ghét, đau, nhức, vui, yêu không đòi hỏi động từ khác đi kèm 🠢Đtừ chỉ trạng thái.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thường đòi hỏi động từ khác đi kèm phía sau | Không đòi hỏi động từ từ khác đi kèm phía sau | | Trả lời câu hỏi làm gì |  | đi, chạy, cười, đọc, hỏi, ngồi, đứng (hđộng) | | Trả lời câu hỏi làm sao thế nào? | Dám, toàn, định | Buồn, gãy, ghét, đau, nhức, nứt, vui, yêu(trạng thái) | |  | Động từ chỉ tình thái | Động từ chỉ hành động  Động từ chỉ trạng thái |   2. Ghi nhớ (SGK) |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15’)** | | |
| ***HĐ3: HD HS luyện tập***.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV cho hoạt động nhóm, sau đó nhận xét ghi điểm.  GV đọc chính tả yêu cầu học sinh nghe viết: Con hổ có nghĩa (từ hhỗ đực mừng rỡ đến làm ra vẻ tiễn biệt) | H đọc.  1H đọc yêu cầu bài tập  N1 BT1  N2  BT2  Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét, bổ sung.  Cả lớp viết. | **III. Luyện tập.**  Bài tập 1:  - Hay khoe, chả thấy, chợt thấy, có thấy, liền giơ 🠢Đtừ chỉ tình thái.  -Khoe, may, đem, mặc, đứng, khen, thấy, hỏi tất tưởi, giơ, mặc 🠢Đtừ chỉ hành động.  - May được, tức tưởi 🠢Đtừ chỉ trạng thái.  Bài tập 2:  Buồn cười ở chỗ: Thà chết chứ không chịu đưa cho ai cái gì, nếu nói cầm thì anh ta mới chịu cho người ta cứu.  🠢Đây là bản tính bần tiện khiến cho việc dùng từđưa và cầm đã trở thành máy móc của anh hà tiện  Bài tập 3: Yêu cầu viết chính tả đúng dấu hỏi, ngã. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (6’)** | | |
| **GV Tổ chức cho HS trò chơi “Đội nào nhanh hơn”**  Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 5 người. Đứng thành 2 hàng. Trong vòng 1 phút, các thành viên lần lượt lên bảng viết những động từ với chủ đề “học tập”. Đội nào hoàn thành nhanh hơn, đúng hơn đội đó thắng. | Cả lớp chơi theo sự điều hành của giáo viên |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| -Làm bài tập còn lại ở sgk .  -Chuẩn bị bài mới: Cụm động từ, đọc trước bài và trả lời câu hỏi ở sgk. |  |  |

**Rút kinh nghiệm:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………